

Số: 206/BC-UBND

Ninh Phước, ngày 15 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

**Công khai và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa
phương quý I năm 2024 trên địa bàn huyện Ninh Phước**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ninh Phước khóa X kỳ họp thứ 11, về dự toán thu, chi ngân sách huyện, mức bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện trong quý I (3 tháng đầu năm) năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện công khai và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I (3 tháng đầu năm) năm 2024, như sau:

I. Công khai tình hình tài chính ngân sách quý I năm 2024:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý I (3 tháng đầu năm) năm 2024:

Tổng nguồn thu ngân sách nhà nước đến hết quý I năm 2024 trên địa bàn là 182.435 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao đạt 32%, trong đó:

- Thu nội địa: 23.299 triệu đồng, đạt 27% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao.
- Thu từ chuyển nguồn năm trước sang: 12.478 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 146.658 triệu đồng

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương quý I (3 tháng) năm 2024:

- Chi cân đối ngân sách địa phương thực hiện trong quý I năm 2024 đạt 12.716 triệu đồng, đạt 22% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao, trong đó:

+ Chi đầu tư là 14.983 triệu đồng, đạt 19% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao.

+ Chi thường xuyên là 111.723 triệu đồng, đạt 23% dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao

(Chi tiết theo các biểu số 93/CK-NSNN; 94/CK-NSNN; 95/CK-NSNN; đính kèm)

II. Hình thức công khai: Công bố trên cổng thông tin điện tử của huyện và gửi thông báo công khai cho các phòng, ban, các đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn.

III. Thời gian công khai: kể từ ngày ký.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý I (3 tháng) năm 2024./. *Minh*

Nơi nhận: *Uy*

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Trang thông tin điện tử UBND huyện;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- UB Mặt trận và các đoàn thể huyện ;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VPUB, TC-KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ngô Khánh



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 15/4/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước.)

ĐVT: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện quý I/2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	92.600	28.274	31	118
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN	576.368	182.435	32	85
I	Thu cân đối NSNN	87.400	23.299	27	136
1	Từ khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	87.400	23.299	27	136
2	Thu viện trợ				
II	Thu các khoản quản lý chi qua NSNN	-	-		
III	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang		12.478		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	488.968	146.658	30	101
V	Thu cân đối từ nguồn CCTL năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	576.368	126.716	22	117
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	576.368	126.716	22	117
1	Chi đầu tư phát triển	79.742	14.983	19	110
2	Chi thường xuyên	486.430	111.733	23	118
3	Chi Dự phòng	10.196		-	
4	Dự phòng tăng thu				
5	Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước				
6	Chi nộp NS cấp trên				
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2024



(Kèm theo Báo cáo số 208 /BC-UBND ngày 15/4/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước.)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	92.600	28.274	31	20
I	Thu nội địa	92.600	28.274	31	20
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (XDCCB)	4.000	2.069	52	5
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	18.300	7.147	39	29
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	3.245	32	25
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	19.000	3.467	18	28
7	Thu phí, lệ phí	3.000	1.409	47	41
8	Các khoản thu về nhà đất	32.600	8.332	26	7
	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>		30		
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	32.000	7.524	24	7
	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	600	778	130	10
	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	4.000	2.443	61	28
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.700	162	10	22
12	Thu hồi các khoản chi năm trước		-		
III	Thu từ các khoản thu để lại quản lý qua NSNN		-		
IV	Thu viện trợ				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN HƯỞNG THEO PHÂN	87.400	23.299	27	20
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Từ khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	87.400	23.299	27	20

Handwritten signature or mark



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 206 /BC-UBND ngày 15 /4/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước.)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	576.368	126.716	22	117
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	576.368	126.716	22	117
I	Chi đầu tư phát triển	79.742	14.983	19	110
1	Chi đầu tư cho các dự án	79.742	14.983	19	110
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	486.430	111.733	23	118
1	Chi quốc phòng	3.223	2.499	78	85
2	Chi an ninh	3.224	333	10	58
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	285.382	66.265	23	117
4	Chi y tế, dân số và gia đình	21.122	4.833	23	163
5	Chi văn hóa thông tin	2.165	818	38	124
6	Chi phát thanh, truyền hình	1.312	228	17	102
7	Chi thể dục thể thao	1.026	116	11	92
8	Chi bảo vệ môi trường	5.700	2.797	49	122
9	Chi hoạt động kinh tế	39.309	3.486	9	175
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	74.298	17.722	24	126
11	Chi đảm bảo xã hội	48.253	11.625	24	103

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
12	Chi khác	1.416	1.011	71	100
III	Dự phòng ngân sách	10.196		-	
IV	Dự phòng tăng thu				
B	Chi từ các khoản thu quản lý qua NSNN				
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-		
D	Chi nộp ngân sách cấp trên				
E	Chi chuyển nguồn				